

Tp. Hồ chí Minh, ngày 9 tháng 5 năm 2026

**BÁO CÁO TUẦN 19**  
(từ ngày 2/5/2026 đến 8/5/2026)

**I. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2026**

Diện tích phục vụ vụ Hè Thu năm 2026 đến ngày 08/5/2026 là: **10.808,8 ha**, cụ thể:

<b>1. Khu vực Củ Chi</b>	<b>: 3.956,1 ha</b>
– Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi	: 3.554,9 ha;
– Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng	: 83,1 ha;
– Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai thai đến cầu BS	: 19,2 ha;
– Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen	: 29,4 ha;
– Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch LT đến sông Lu	: 236,2 ha;
– Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông	: 33,3 ha.
<b>2. Khu vực XNHM-BC quản lý</b>	<b>: 2.233,6 ha.</b>
– CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh	: 1.734,8 ha
– Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa	: 498,8 ha.
<b>3. Khu vực Nam rạch Tra</b>	<b>: 2.158,8 ha.</b>
– CTTL Bắc rạch Tra	: 759,0 ha;
– CTTL Nam rạch Tra	: 1.205,1 ha;
– Công ngăn triều rạch Ông Đụng	: 79,1 ha;
– Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép	: 115,6 ha.
<b>4. Khu vực Thủ Đức</b>	<b>: 2.460,3 ha</b>
– CTTL Suối Nhum	: 541 ha;
– CTTL 05 công ngăn triều	: 1.919,3 ha;

**II. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:**

**1. Lượng nước sử dụng:**

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐT N25 từ ngày 02/5/2026 đến ngày 08/5/2026: 8.410.462 m<sup>3</sup>, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )
02/5/2026	13,76	13,37	0,9	11,69	1.010.058	4,02	347.516
03/5/2026	13,66	13,33	0,9	10,75	929.118	3,28	283.746
04/5/2026	13,50	13,25	0,9	9,36	808.693	2,60	224.321
05/5/2026	13,65	13,31	0,9	10,92	943.091	3,48	300.958
06/5/2026	13,56	13,25	0,9	10,42	900.288	2,59	224.038
07/5/2026	13,56	13,26	0,9	10,25	885.879	3,32	286.472
08/5/2026	13,68	13,33	0,9	11,07	956.859	3,58	309.425
<b>Tổng cộng</b>					<b>6.433.986</b>		<b>1.976.476</b>

**b.** Lượng nước từ ngày 01/12/2025 đến 8/5/2026 là **175,18** triệu m<sup>3</sup> (trong đó K34+644: 135,93 triệu m<sup>3</sup>, K0–N25: 39,25 triệu m<sup>3</sup>).

**c.** Tình hình điều tiết nước: Tổ chức điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

**2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (10,6÷18,6) NTU và pH dao động từ (7,12÷7,19).

**3.Mức nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (20,43÷20,55)m.

	Mức nước năm 2026(m)	Mức nước năm 2025 (m)
02/5/2026	20,55	20,88
03/5/2026	20,52	20,85
04/5/2026	20,49	20,86
05/5/2026	20,46	20,84
06/5/2026	20,45	20,84
07/5/2026	20,46	20,81
08/5/2026	20,43	20,76

**4. Lượng mưa đo được tại các trạm:**

STT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Mưa lũy tiến trong năm 2026 (mm)
1	Xí nghiệp Củ Chi	59	100
2	N25-2	55	114
3	N31A (K0)	25	105
4	Trung An	85	171
5	K9-N46	96	169
6	An Phú	29	217
7	Thai Thai - Bến Súc	31	150
8	Xí nghiệp HM-BC	59	116
9	Cụm T10	62	158
10	Cụmkênh C	50	167
11	Ông Đụng	47	134
12	Ba Thôn	57	144

**5.Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:**

– **Mức nước Max trong tuần:**

- + Cống Gò Dưa : + 1,29 m
- + Cống Ba Thôn : + 1,24 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra): + 1,14 m
- + Cống kênh C : + 1,28 m
- + Cống An Hạ : + 1,01 m

– **Chất lượng nước:**

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2026) Ngày 08/05/2026		Độ mặn (2025) Ngày 11/05/2025	
		PS	PĐ	PS	PĐ	PS	PĐ
1	Cống Tân Kiên	6,84	6,92	3,2	0,9	4,6	1,0
2	Cống kênh C	6,81	6,75	2,8	0,7	3,9	0,7
3	Cống kênh B	6,73	6,62	2,4	0,6	3,0	0,6
4	Cống kênh A	6,66	6,58	2,1	0,5	2,4	0,5
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,57		1,8		1,8	
6	Cống cuối kênh Ranh	6,5		0,4		0,6	
7	Cống An Hạ	6,43	6,26	0,2		0,4	
8	Cống T10			0,2		0,2	

**III. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:**

- Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Công trình 5 cống ngăn triều quận Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Công trình Nam rạch Tra (cống Ba Thôn, Đá Hàn): Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.